

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: dự thảo Hợp đồng hợp nhất giữa Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Văn bản số 303/TTg-DMDN ngày 07/04/2022 về việc phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam;

Văn bản số 2237/UBQLV-CNHT ngày 18/10/2023 về việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Sài Gòn;

Văn bản số 1625/BTC-TCDN ngày 07/02/2024 về việc hợp nhất Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Sài Gòn;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội,

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đã xây dựng dự thảo Hợp đồng hợp nhất giữa Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Hợp đồng hợp nhất giữa 2 Công ty (theo tài liệu đính kèm), đồng thời, ủy quyền cho HĐQT đàm phán, bổ sung và hoàn chỉnh Hợp

đồng hợp nhất cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định pháp luật có liên quan.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt./.

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 



Đỗ Văn Hoan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG HỢP NHẤT

Số:

giữa

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ
NỘI**

và

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI
GÒN**

Hà Nội, tháng năm 2024

Hợp đồng hợp nhất này ("**Hợp đồng**") được lập và ký kết vào ngày ... tháng ... năm 2024 ("**Ngày Ký Kết**") giữa và bởi các bên tham gia hợp nhất, gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI (Bên A)

- Mã cổ phiếu: HRT
- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
- Tên giao dịch tiếng Anh: Hanoi Railway Transport Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Số 130 Lê Duẩn, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024.3942 1117 Fax: 024.3822 4736
- Website: www.vantaiduongsathanoi.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0116000010 ngày 10/09/2003, thay đổi lần thứ 6 số 0100106264 ngày 12/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt Hiệp Chức vụ: Tổng Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN (Bên B)

- Mã Cổ phiếu: SRT
- Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
- Tên giao dịch tiếng Anh: Sai Gon Railway Transport Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Số 136 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.3829 0198 Fax: 028.382 2522
- Website: www.saigonrailway.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0301120371 ngày 01/02/2016, thay đổi lần thứ 8 ngày 08/02/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Đại diện theo pháp luật: Ông Thái Văn Truyên Chức vụ: Tổng Giám đốc

(Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là "**Các Bên**"/"**Hai Bên**" và được gọi riêng là "**Bên**"/"**Một Bên**"/"**Mỗi Bên**"/"**Công ty bị hợp nhất**").

Thông tin về các mối liên hệ giữa các doanh nghiệp bị hợp nhất:

- Quan hệ sở hữu chéo và quan hệ với người có liên quan của 2 Công ty bị hợp nhất: Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn đều là công ty con của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.
- Quan hệ kinh doanh và các quan hệ khác với bên thứ ba: Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn thường xuyên có quan hệ kinh doanh với các công ty con, công ty liên doanh liên kết của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội số ... thông qua phương án hợp nhất và hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn số ... thông qua phương án hợp nhất và hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội số ... thông qua hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn số ... thông qua hợp đồng hợp nhất ngày ...;
- Văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/04/2022 về việc phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam,

Với mục đích tái cấu trúc lại doanh nghiệp thông qua việc hợp nhất hai Bên để nâng cao vị thế của công ty sau hợp nhất và thống nhất tập trung quản lý các khu vực khai thác; tăng trưởng về quy mô của Công Ty Hợp Nhất, lành mạnh về tài chính; xây dựng lại bộ máy quản lý tập trung, hiệu quả; tiết giảm các chi phí; đồng thời, vẫn tiếp tục kế thừa được thương hiệu, lịch sử văn hóa của 2 công ty trước đó.

Trên cơ sở kết quả thương lượng, đàm phán giữa Hai Bên, Bên A và Bên B thống nhất ký kết Hợp đồng hợp nhất này với các nội dung điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ QUY ƯỚC VIẾT TẮT

- 1.1. **Hợp đồng** là Hợp đồng hợp nhất được ký kết giữa Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.
- 1.2. **Giao Dịch Hợp Nhất** là việc Bên A và Bên B hợp nhất thành Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu của Bên A và Bên B lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất. Sau khi việc hợp nhất được hoàn thành, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác sang Công Ty Hợp Nhất.

- 1.3. **Công Ty Hợp Nhất** là công ty được hình thành từ Giao Dịch Hợp Nhất.
- 1.4. **Công ty bị hợp nhất** là Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.
- 1.4. **Cổ phần** là phần vốn được chia bằng nhau từ vốn điều lệ của công ty cổ phần.
- 1.5. **Cổ phiếu** là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
- 1.6. **Chủ nợ** là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ.
- 1.7. **Phương án hợp nhất** là toàn bộ nội dung về các vấn đề các Bên phải thực hiện liên quan đến việc hợp nhất, đã được Đại hội đồng Cổ đông của Các Bên thông qua một cách hợp pháp. Phương án hợp nhất là một cấu phần của bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hợp nhất.
- 1.8. **Ngày Hợp Nhất** là ngày Công Ty Hợp Nhất nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 1.9. **Ngày Đăng Ký Cuối Cùng** là ngày chốt danh sách cổ đông đồng thời của cả Bên A và Bên B để tiến hành việc hoán đổi cổ phần.
- 1.10. **Ngày Hoàn thành** là ngày mà tất cả các điều kiện tại Điều 3.5 Hợp đồng này được đáp ứng toàn bộ.
- 1.11. **ĐHĐCĐ** là Đại hội đồng cổ đông.
- 1.12. **HĐQT** là Hội đồng quản trị.
- 1.13. **BKS** là Ban kiểm soát.
- 1.14. **GCNĐKDN** là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp.
- 1.15. **HRT** là mã Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội
- 1.16. **SRT** là mã Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn
- 1.17. **UBCKNN** là Ủy ban chứng khoán nhà nước.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN CÔNG TY HỢP NHẤT

- 2.1. Bên A và Bên B sẽ hợp nhất thành Công Ty Hợp Nhất bằng cách hoán đổi cổ phiếu của Bên A và Bên B lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất. Vào Ngày Hợp Nhất, Bên A và Bên B chấm dứt tồn tại, Công Ty Hợp Nhất được hưởng toàn bộ tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Bên A và Bên B. Thông tin về Công Ty Hợp Nhất như sau:

Thông tin dự kiến:

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

- Tên viết tắt: VRT
 - Tên tiếng Anh: Railway transport joint stock Company
 - Trụ sở chính: Trụ sở chính của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt sẽ đặt tại 130 đường Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- 2.2. Ngành nghề, phạm vi hoạt động kinh doanh của Công Ty Hợp Nhất:

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
1	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
2	2431	Đúc sắt, thép
3	2432	Đúc kim loại màu
4	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
5	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
6	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
7	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
8	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (trừ giết mổ gia súc, gia cầm)
9	1020	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
10	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
11	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn
12	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống, nước chấm các loại, muối, dầu ăn tại trụ sở)
13	1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
14	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
15	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động bến thủy nội địa)
16	5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
17	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)
18	5310	Bưu chính
19	5320	Chuyên phát
20	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh)
21	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)
22	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị chuyên dụng ngành đường sắt
23	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
24	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
25	5629	Dịch vụ ăn uống khác
26	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)
27	6190	Hoạt động viễn thông khác
28	3020	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe
29	3099	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu
30	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn; - Sản xuất chổi, bàn chải, bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
		khí điều khiển bằng tay, các loại chổi, bàn chải khác; - Sản xuất tem ghi số, tem gắn, ghi ngày, các thiết bị in ấn điều khiển bằng tay hoặc các tem dập nổi, các thiết bị in bằng tay, lõi mực và ribbon máy tính
31	3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
32	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
33	3319	Sửa chữa thiết bị khác
34	3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá
35	4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
36	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
37	4632	Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)
38	4633	Bán buôn đồ uống
39	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm)
40	4781	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lạt động hoặc tại chợ (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
41	4911 (Chính)	Vận tải hành khách đường sắt
42	4912 (Chính)	Vận tải hàng hóa đường sắt
43	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
44	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
45	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
46	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp
47	9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao
48	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài và kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trên mạng)
49	9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú
50	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
51	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, gồm: - Thiết kế đóng mới, phục hồi, nâng cấp, hoán cải đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị chuyên dùng cho ngành đường sắt; - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng công trình, mau sắm thiết bị, phương tiện vận tải; - Khảo sát thiết kế và lập dự toán công trình giao thông vận tải đường sắt và đường bộ; - Tư vấn, đấu thầu, giám sát, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông vận tải; Tư vấn giám sát chất lượng lắp đặt và chuyển giao công nghệ máy móc, thiết bị công nghiệp và phương tiện giao thông vận tải

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
52	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
53	7310	Quảng cáo
54	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình xây dựng)
55	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ đóng mới, sửa chữa đầu máy, toa xe, phương tiện thiết bị chuyên dụng dùng cho ngành đường sắt
56	7710	Cho thuê xe có động cơ
57	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí
58	7911	Đại lý du lịch
59	7912	Điều hành tua du lịch
60	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
61	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá tài sản)
62	4789	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)
63	4921	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành

STT	Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
64	4922	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh
65	4929	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác
66	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt)
67	5225	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
68	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
69	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
70	7990	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
71	8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)
72	3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
73	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh

2.3. Người đại diện theo pháp luật, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất do ĐHCĐ hai Công ty bị hợp nhất bầu, thông qua.

2.4. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công Ty Hợp Nhất là: 1.303.689.700.000 đồng (Một nghìn ba trăm linh ba tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)
- Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành: 130.368.970 cổ phần

- Loại cổ phần: phổ thông
- Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

2.5. Điều lệ Công Ty Hợp Nhất

Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất do Các Bên xây dựng và được Đại hội đồng cổ đông Các Bên thông qua. Sau Ngày Hợp Nhất, dự thảo Điều lệ này sẽ trở thành Điều lệ Công Ty Hợp Nhất.

ĐIỀU 3. HỢP NHẤT CÔNG TY

3.1. Hình thức hợp nhất

- Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ hợp nhất thành một pháp nhân mới là Công Ty Hợp Nhất thông qua hoán đổi cổ phiếu HRT và cổ phiếu SRT lấy cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất theo Hợp đồng hợp nhất này. Vào Ngày Hợp Nhất, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn chấm dứt tồn tại, chuyển toàn bộ quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác cho Công Ty Hợp Nhất.
- Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu để thực hiện hợp nhất sẽ được tính toán dựa trên kết quả định giá của các Công ty bị hợp nhất thực hiện bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất và vốn điều lệ của Công ty Hợp nhất.

3.2. Phương pháp kế toán hợp nhất

Phương pháp kế toán hợp nhất được thực hiện theo Điều 45 Luật Kế toán số 88/2015/QH13;

Việc chuyển lãi/lỗ thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014. Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Giá trị tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội. Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất bằng cách hợp cộng trên sổ kế toán, với các nguyên tắc cơ bản sau:

- Vốn chủ sở hữu của Công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng Giá trị tài sản thuần của 2 Công ty tại Ngày Hợp nhất (là ngày Công ty hợp nhất nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Giá trị tài sản thuần này là chênh lệch giữa Tổng tài sản và Tổng nợ phải trả tại Ngày Hợp nhất. Như vậy:

- Vốn điều lệ của công ty Hợp nhất sẽ bằng tổng vốn điều lệ của 2 Công ty tham gia hợp nhất;
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế của HRT và SRT: có nghĩa công ty Hợp nhất sẽ kế thừa toàn bộ khoản lỗ lũy kế từ 2 công ty HRT và SRT;
 - Các nguồn quỹ của công ty Hợp nhất được xác định bằng tổng các nguồn quỹ của 2 công ty tham gia hợp nhất.
- b. Tài sản và nợ phải trả của Công Ty Hợp Nhất được xác định bằng cách hợp cộng tài sản và nợ phải trả của Bên A và Bên B tại Ngày Hợp Nhất.

3.3. Thời gian hợp nhất

Sau khi UBCKNN, Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận việc hợp nhất giữa Bên A và Bên B, Các Bên thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của Hợp đồng này, các quy định khác của pháp luật để hoàn tất Giao Dịch Hợp Nhất.

3.4. Điều kiện hợp nhất

Các Bên tham gia thực hiện hợp nhất khi thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- a. Phương án hợp nhất, Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, Phương án sản xuất kinh doanh sau hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất, Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất được ĐHCĐ của Hai Bên thông qua và được đại diện có thẩm quyền của Hai Bên ký kết Hợp đồng hợp nhất.
- b. Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về giao dịch hợp nhất và gửi các tài liệu liên quan cho các chủ nợ, bao gồm nhưng không giới hạn các ngân hàng, tổ chức cung cấp tín dụng, các ngân hàng, tổ chức, cá nhân hiện đang nhận tài sản bảo đảm hay bảo lãnh hoặc các biện pháp bảo đảm khác và các trái chủ (nếu có).
- c. Các Công ty bị hợp nhất đã thông báo về Giao Dịch Hợp Nhất cho tất cả người lao động của Công ty theo quy định của pháp luật.
- d. Giao dịch Hợp nhất này không vi phạm điều cấm của Luật Cạnh Tranh về tập trung kinh tế.
- e. Tất cả các phê chuẩn, chấp thuận cần thiết từ các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có thẩm quyền hay từ bất kỳ bên thứ ba nào đều đã đạt được quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Giấy Chứng Nhận Đăng ký Chào bán Cổ Phiếu hoán đổi để hợp nhất (“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán”) do UBCKNN cấp để thực hiện việc hoán đổi cổ phiếu theo Hợp đồng hợp nhất.
- f. Các Bên đã tiến hành việc công bố thông tin cần thiết về Giao dịch Hợp nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.5. Thủ tục hợp nhất

Giao Dịch Hợp Nhất được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản pháp luật khác có liên quan, theo đó, Các Bên cần chuẩn bị:

- a. Dự thảo Phương án hợp nhất; Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất;
- b. Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ để thông qua Phương án hợp nhất; Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, Phương án hoạt động kinh doanh sau hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo Điều lệ Công Ty Hợp Nhất; bầu Nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; bổ nhiệm Tổng Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật) của Công Ty Hợp Nhất.
- c. Nộp hồ sơ thông báo về việc hợp nhất lên Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia.
- d. Nộp hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất lên UBCKNN.
- e. Sau khi nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng ký Chào bán Cổ Phiếu hoán đổi để hợp nhất do UBCKNN cấp, Hai Bên sẽ cùng nhau xác định Ngày Đăng Ký Cuối Cùng để tiến hành việc hoán đổi cổ phần.
- f. Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thành lập Công Ty Hợp Nhất.
- g. Hai Bên sẽ tiến hành bàn giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Công Ty Hợp Nhất ngoại trừ các tài sản phải đăng ký chuyển quyền sở hữu như quy định tại Điều 5.5 của Hợp đồng này.

3.6. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công Ty Hợp Nhất

- a. ĐHĐCĐ của Hai Công ty bị hợp nhất bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công Ty Hợp Nhất sẽ được tính từ Ngày Hợp Nhất.
- b. Kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng này, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của hai Công ty bị hợp nhất vẫn tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình, phối hợp với nhau làm tăng hiệu quả sản xuất của Mỗi Bên và sẽ chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ vào Ngày Hợp Nhất.
- c. Công Ty Hợp Nhất sẽ không tham gia vào hoạt động vận hành, kinh doanh và quản lý của Mỗi Bên trong thời gian kể từ ngày Ngày Ký kết Hợp đồng này đến Ngày Hợp Nhất.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG ÁN HOÁN ĐỔI CỔ PHẦN

4.1. Phương pháp xác định tỷ lệ hoán đổi cổ phần:

- a. **Vốn điều lệ Công Ty Hợp Nhất = Tổng vốn điều lệ của các Công ty bị hợp nhất.**
- b. Trên cơ sở giá trị phần vốn chủ sở hữu theo kết quả thẩm định giá của các Công ty bị hợp nhất (Giá trị tài sản thuần định giá), tỷ trọng tương quan của kết quả này trong tổng giá trị để tính toán số lượng cổ phần phát hành của Công Ty Hợp Nhất nhằm mục đích hoán đổi lấy cổ phần của các Công ty bị hợp nhất. Cụ thể:

- Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên A = Tỷ trọng vốn chủ sở hữu định giá lại của Bên A x số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất
- Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên B = Tỷ trọng vốn chủ sở hữu định giá lại của Bên B x số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất
- Tỷ lệ hoán đổi của cổ đông Bên A, Bên B = Số lượng cổ phần của Công ty Hợp nhất phát hành để hoán đổi lấy cổ phần của Bên A, Bên B / Số cổ phần đang lưu hành của Công ty bị Hợp nhất đó
- Số lượng cổ phần Công ty Hợp nhất mà cổ đông Bên A, Bên B được nhận = Tỷ lệ hoán đổi của cổ đông Bên A, Bên B x Số lượng cổ phần Bên A, Bên B thuộc sở hữu của cổ đông đó.

4.2. Tỷ lệ chuyển đổi dự kiến:

Công Ty Hợp Nhất sẽ phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu đang lưu hành của các Công ty bị hợp nhất theo phương thức dưới đây và đã được Đại hội đồng cổ đông các Công ty bị hợp nhất thông qua. Theo đó, tất cả các cổ đông hiện hữu của các Công ty bị hợp nhất sẽ trở thành cổ đông của Công Ty Hợp Nhất thông qua việc sở hữu cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất phát hành theo Phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu: *Cổ phiếu Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt*
- Loại cổ phiếu: *Cổ phiếu phổ thông*
- Mệnh giá cổ phiếu: *10.000 đồng/cổ phiếu*
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: *130.368.970 cổ phiếu*
- Tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá: *1.303.689.700.000 đồng*
- Đối tượng phát hành: *Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện việc hoán đổi.*
- Phương thức phát hành: *Công Ty Hợp Nhất sẽ phát hành 130.368.970 cổ phiếu để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của các cổ đông trong các Công ty bị hợp nhất, trong đó:*
 - *Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội là 01 cổ phần của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội sẽ được hoán đổi với 1,09071 cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất.*
 - *Tỷ lệ hoán đổi đối với cổ đông Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn là 01 cổ phiếu của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ được hoán đổi với 0,85565 cổ phiếu Công Ty Hợp Nhất.*

Ví dụ 1: vào ngày chốt danh sách cổ đông của HRT để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu HRT. Khi đó, cổ đông A sẽ được hưởng

123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công ty hợp nhất tương ứng là $123 \times 1,09071 = 134,15733$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu Công ty hợp nhất của cổ đông A nhận được sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 134 cổ phiếu.

Ví dụ 2: vào ngày chốt danh sách cổ đông của SRT để thực hiện hoán đổi cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn B hiện đang sở hữu 123 cổ phiếu SRT. Khi đó, cổ đông B sẽ được hưởng 123 quyền, 123 quyền này sẽ được hoán đổi lấy số cổ phiếu của Công ty hợp nhất tương ứng là $123 \times 0,85565 = 105,24495$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phần lẻ, số lượng cổ phiếu Công ty hợp nhất của cổ đông B nhận được sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị là 105 cổ phiếu.

- Nguyên tắc xử lý số cổ phiếu lẻ: Toàn bộ số cổ phiếu lẻ còn lại do nguyên tắc tính toán theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu sẽ được chuyển cho cổ đông nhà nước là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu và quản lý. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Các cổ đông của HRT và SRT nhất trí thông qua việc chuyển toàn bộ số cổ phiếu lẻ do nguyên tắc tính toán theo tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu cho cổ đông nhà nước là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam sở hữu và quản lý.

- Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để thực hiện hoán đổi không bị hạn chế chuyển nhượng, trừ trường hợp:
 - Cổ đông của công ty bị hợp nhất đang sở hữu cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (cổ phiếu của người lao động được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài) thì khi hoán đổi lấy cổ phiếu Công ty hợp nhất cũng bị hạn chế chuyển nhượng tương ứng. Việc chuyển nhượng các cổ phiếu này của Công ty hợp nhất tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật về cổ phần hóa.
 - Số cổ phiếu lẻ của đợt chào bán được phân phối tiếp như quy định nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

4.3. Trình tự, thủ tục và điều kiện chuyển đổi cổ phần

- a. Kể từ ngày ĐHCĐ của mỗi Bên thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu cho đến Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, Bên A và Bên B không được phát hành thêm, phân chia, tách, gộp cổ phần.
- b. Bên A và Bên B phải xác định ngày chốt danh sách cổ đông của Mỗi Bên để tiến hành việc hoán đổi cổ phiếu thành cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất (“Ngày Đăng Ký Cuối Cùng”) và thông báo Ngày Đăng Ký Cuối Cùng đến các cổ đông hiện hữu của mình. Mỗi Bên có

trách nhiệm bàn giao danh sách cổ đông chốt tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng của mình cho Công Ty Hợp Nhất.

- c. Sau Ngày Hợp Nhất, mọi cổ phiếu do Bên A, Bên B đã phát hành và đang lưu hành trước thời điểm hoán đổi sẽ tự động bị hủy giao dịch UpCOM trên Sở giao dịch chứng khoán Hà nội và chấm dứt tồn tại.
- d. Việc chuyển giao cổ phiếu sẽ được thực hiện tại Trụ sở Công Ty Hợp Nhất, trong vòng 30 ngày kể từ Ngày Hợp Nhất. Cổ đông của Bên A và cổ đông của Bên B sẽ được nhận Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công Ty Hợp Nhất. Toàn bộ Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần/Sổ cổ đông của Bên A và Bên B sẽ được tự động hủy ngay sau khi Công Ty Hợp Nhất nhận bàn giao.
- e. Công Ty Hợp Nhất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký cổ phiếu của Công Ty Hợp Nhất tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN, THỦ TỤC VÀ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI TÀI SẢN

Toàn bộ tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của các Bên được coi là đã chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất vào Ngày Hợp Nhất tính theo giá trị sổ sách tại Ngày Hợp Nhất.

- a. Vào Ngày Hợp Nhất, Bên A và Bên B sẽ lập Hội đồng bàn giao tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT, đại diện Ban kiểm soát của từng Bên (nếu có). Hội đồng bàn giao tài sản có trách nhiệm bảo quản, thống kê, ký Biên bản bàn giao với Hội đồng tiếp nhận tài sản của Công Ty Hợp Nhất. Hội đồng tiếp nhận tài sản gồm Người đại diện theo pháp luật, các thành viên HĐQT của Công Ty Hợp Nhất.
- b. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của các Công ty bị hợp nhất phải được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Các Bên đồng thời thực hiện việc khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, lập Báo cáo tài chính và bàn giao toàn bộ tài liệu kế toán cho Công Ty Hợp Nhất trên cơ sở Biên bản bàn giao.
- c. Việc chuyển giao tài sản và nghĩa vụ nợ phải được ghi nhận tại Biên bản bàn giao, xác nhận tình trạng Tài sản/Nghĩa vụ nợ theo từng danh mục Tài sản/Nghĩa vụ nợ. Hội đồng bàn giao tài sản của mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của mỗi Bên trong Biên bản bàn giao.
- d. Tất cả các khoản tiền và khoản nợ (thuộc bất kỳ loại nào và bằng bất kỳ loại tiền tệ nào) đến hạn, còn nợ, phát sinh hoặc phải trả cho bên thứ ba nào của Bên A, Bên B tồn tại trước Ngày Hợp Nhất và đã được liệt kê tại Báo cáo kiểm toán và Bảng tổng hợp các thay đổi phát sinh sẽ được chuyển giao cho và trở thành nghĩa vụ của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ đối với bên thứ ba đó.
- e. Đối với các tài sản phải đăng ký theo quy định của pháp luật (nếu có), Công Ty Hợp Nhất sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để nhận chuyển quyền sở hữu từ các Công ty bị hợp nhất sang Công Ty Hợp Nhất trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ Ngày Hợp Nhất trên cơ sở phù

hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

- f. Vào Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất căn cứ vào Biên bản bàn giao mở sổ kế toán, tổng hợp Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn thành Báo cáo tài chính của Công Ty Hợp Nhất.
- g. Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ Các Bên theo các hợp đồng còn hiệu lực giữa Bên A, Bên B với bên thứ ba trước Ngày Hợp Nhất, và sẽ bị ràng buộc bởi các hợp đồng đó.
- h. Công Ty Hợp Nhất sẽ không có nghĩa vụ thanh toán bất cứ khoản tiền nào hoặc tài sản nào khác cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào liên quan đến cổ phần của Bên A, Bên B.
- i. Trong thời gian kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến Ngày Hợp Nhất, các Bên vẫn hoạt động kinh doanh bình thường, vẫn thực hiện các nghĩa vụ về tài sản hoặc các nghĩa vụ khác theo hợp đồng đã ký kết, hoặc ký các hợp đồng cần thiết khác phục vụ hoạt động kinh doanh thường ngày, cũng như ban hành các quyết định nội bộ khác để điều hành các công việc thường ngày, tuy nhiên phải tuân thủ các cam kết và hạn chế khác mà các Bên đã thống nhất và ghi nhận tại Hợp đồng này.

ĐIỀU 6. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- 6.1. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua Hợp đồng Hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất có trách nhiệm thông báo cho tất cả người lao động biết về việc hợp nhất giữa Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn.
- 6.2. Sau Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất có trách nhiệm lập kế hoạch sử dụng và sắp xếp, giải quyết lao động trên cơ sở phù hợp với điều kiện hoạt động của Công Ty Hợp Nhất, phù hợp với trình độ, năng lực của người lao động và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động. Đối với người lao động không muốn làm việc tại Công Ty Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với họ theo quy định pháp luật hiện hành. Đồng thời, Công Ty Hợp Nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại của họ trước thời điểm hợp nhất.
- 6.3. Vào Ngày Hợp Nhất, toàn bộ người lao động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn sẽ trở thành người lao động của Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất có nghĩa vụ thừa nhận, tôn trọng và cam kết tiếp tục kế thừa các hợp đồng lao động của người lao động của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội, Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn. Đồng thời, Công Ty Hợp Nhất sẽ đảm bảo chế độ làm việc, thu nhập và phúc lợi cho người lao động tối thiểu đạt mức hiện tại của họ trước thời điểm hợp nhất.

ĐIỀU 7. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ, CHỦ NỢ

- 7.1. Đối với cổ đông không thông qua phương án hợp nhất:

Cổ đông các Công ty bị hợp nhất không thông qua phương án hợp nhất có quyền yêu cầu công ty mua lại theo quy định tại Điều 132, Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, phù hợp với Điều lệ, quy định nội bộ của Mỗi Bên.

7.2. Đối với chủ nợ:

Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ĐHCĐ Các Bên thông qua Hợp đồng hợp nhất, các Công ty bị hợp nhất có trách nhiệm gửi Hợp đồng hợp nhất đến tất cả các chủ nợ (“**Các Chủ Nợ**”). Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn cần gửi văn bản thông báo cho Các Chủ Nợ về việc hợp nhất theo quy định của pháp luật và giao kết giữa các bên.

Kể từ Ngày Hợp Nhất, Công Ty Hợp Nhất sẽ kế thừa nghĩa vụ và chịu trách nhiệm thanh toán đối với Các Chủ Nợ.

7.3. Đối với khách hàng:

Các Công ty bị hợp nhất cần tiến hành các công việc sau:

- a. Gửi văn bản thông báo về việc hợp nhất cho các khách hàng có hợp đồng còn hiệu lực với Mỗi Bên theo quy định của pháp luật và giao kết của các bên.
- b. Toàn bộ Khách hàng của các Công ty bị hợp nhất sẽ được chuyển giao cho Công Ty Hợp Nhất. Công Ty Hợp Nhất kế thừa về nguyên tắc tất cả các quyền và nghĩa vụ của các Công ty bị hợp nhất đối với Khách hàng.
- c. Các Công ty bị hợp nhất và Công Ty Hợp Nhất cam kết cao nhất về đảm bảo mọi điều kiện giao dịch và quyền lợi, nghĩa vụ sẽ được thực hiện như đã giao kết với khách hàng trong và sau khi tiến hành Giao Dịch Hợp Nhất.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Mỗi Bên trong Hợp đồng này có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 8.1. Tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kê khai tài sản, quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp một cách trung thực, chính xác.
- 8.2. Không mở rộng ngành nghề kinh doanh, hoặc đầu tư vào một dự án nào mà không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên còn lại kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây phương hại đến việc thực hiện các hợp đồng đang có hiệu lực vào thời điểm ký kết Hợp đồng này.
- 8.3. Không sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, thay thế các chính sách, quy chế, quy định, quy trình quản lý, điều hành đang được áp dụng tại công ty kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực (bao gồm cả các quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán...).
- 8.4. Phối hợp, kiểm soát việc thực hiện theo Hợp đồng này.
- 8.5. Không ban hành bất kỳ văn bản nào gây cản trở việc Giao Dịch Hợp Nhất.

- 8.6. Cung cấp kịp thời thông tin liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo yêu cầu của Bên kia.
- 8.7. Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với tất cả những thông tin, tài liệu, giấy tờ... cung cấp để phục vụ cho Giao Dịch Hợp Nhất.
- 8.8. Giải quyết các khiếu nại, tranh chấp có liên quan đến việc Giao Dịch Hợp Nhất và mọi hoạt động của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp Nhất.
- 8.9. Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu các khoản nợ, tiền phải trả, nghĩa vụ tài chính và chi phí phát sinh của Mỗi Bên tính đến Ngày Hợp Nhất. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Mỗi Bên liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp kê khai không đúng, không đầy đủ tình trạng tài sản, công nợ của Bên đó.
- 8.10. Trong thời gian kể từ Ngày Ký Kết Hợp đồng đến Ngày Hợp Nhất, Mỗi Bên phải đảm bảo các hoạt động kinh doanh được diễn ra một cách bình thường; tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành; giữ gìn hình ảnh, thương hiệu và uy tín của mình.
- 8.11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp đồng này, Phương án hợp nhất, và theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9. ĐIỀU LỆ

Dự thảo Điều lệ của Công Ty Hợp Nhất được ĐHCĐ Các Bên biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật. Dự thảo Điều Lệ sau khi được ĐHCĐ biểu quyết thông qua sẽ trở thành Điều lệ chính thức của Công Ty Hợp Nhất kể từ Ngày Hợp Nhất.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 10.1. Các Bên cam kết hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các nội dung của Hợp đồng này, nếu có tranh chấp Các Bên phải cùng nhau bàn bạc tìm cách giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi.
- 10.2. Trong trường hợp Các Bên thương lượng không thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

ĐIỀU 11. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- 11.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ khi được đại diện có thẩm quyền của Các Bên ký.
- 11.2. Hợp đồng này chấm dứt trong những trường hợp sau:
 - a. Giao Dịch Hợp Nhất đã hoàn tất theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc
 - b. Theo thoả thuận bằng văn bản của Các Bên về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn; hoặc
 - c. Theo yêu cầu của Bên A hoặc Bên B nếu các điều kiện cho Giao Dịch Hợp Nhất không đáp ứng do hành vi vi phạm nghĩa vụ, cam kết và đảm bảo của Một Bên, trừ khi Các Bên có thoả thuận khác, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Ký Kết; hoặc

- d. Một hoặc Các Bên bị giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.
- 11.3. Trong trường hợp Hợp đồng này bị chấm dứt theo các quy định nêu trên, ngoại trừ việc Một Bên yêu cầu chấm dứt theo quy định tại Điều 11.2.(c), Mỗi Bên sẽ tự chịu tất cả các chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.
- 11.4. Trong trường hợp Hợp đồng này bị Một Bên chấm dứt theo quy định tại Điều 11.2.(c) thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường cho Bên kia bất kỳ khoản thiệt hại nào do hành vi vi phạm Hợp đồng của mình gây ra bao gồm nhưng không giới hạn tất cả các khoản chi phí, phí tổn liên quan đến việc ký kết, thực hiện và chấm dứt Hợp đồng này.

ĐIỀU 12. CÔNG BỐ THÔNG TIN

- 12.1. Sau khi ĐHCĐ Mỗi Bên thông qua việc hợp nhất và các tài liệu hợp nhất, Mỗi Bên có nghĩa vụ tự mình công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 12.2. Công Ty Hợp Nhất phải tiến hành thủ tục công bố thông tin liên quan đến việc hình thành pháp nhân mới đến các cơ quan Nhà nước có liên quan theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 13.1. Hợp đồng này sẽ thay thế mọi kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ trước đây giữa các Bên liên quan đến Giao Dịch Hợp Nhất theo Hợp đồng này. Các kết quả thoả thuận, đàm phán, biên bản ghi nhớ này sẽ chấm dứt hiệu lực từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực.
- 13.2. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là vô hiệu hoặc trái quy định của pháp luật hoặc không có hiệu lực thi hành vì bất kỳ lý do gì, điều khoản đó sẽ bị loại ra khỏi Hợp đồng với điều kiện là việc loại ra đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoặc làm thay đổi cơ bản nội dung Hợp đồng này. Các Bên sẽ đàm phán trên tinh thần hợp tác để thoả thuận lại các điều khoản này. Các vấn đề chưa được quy định trong Hợp đồng này sẽ được Các Bên xử lý theo thoả thuận giữa Các Bên hoặc theo quy định của pháp luật.
- 13.3. Không Bên nào được chuyển giao hoặc uỷ quyền thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền, lợi ích, hoặc nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này hoặc liên quan tới Hợp đồng này mà không được đồng ý trước bằng văn bản của Bên kia. Hợp đồng này sẽ có giá trị ràng buộc và có hiệu lực đối với Các Bên trong Hợp đồng này và những bên kế thừa hoặc nhận chuyển nhượng được phép.
- 13.4. Tất cả các thông báo và liên lạc khác dưới đây phải được lập thành văn bản và sẽ được coi là đã được chuyển đến nếu được gửi với tư cách cá nhân hoặc gửi bằng dịch vụ chuyển phát thương mại, hoặc gửi qua máy fax (có chứng từ xác nhận) cho Các Bên theo các địa chỉ hoặc số fax (hoặc theo địa chỉ hoặc số fax khác cho một Bên được ghi rõ trong một thông báo bằng văn bản):

- **Gửi cho Bên A:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người liên hệ:

- **Gửi cho Bên B:**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Người liên hệ:

- 13.5. Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản; được các cấp có thẩm quyền của Các Bên thông qua và thực hiện ký kết theo quy định của pháp luật.
- 13.6. Các phụ lục đính kèm Hợp đồng này (nếu có) là một phần không tách rời của Hợp đồng.
- 13.7. Hợp đồng này làm thành (.....) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Mỗi Bên giữ (.....) bản để thực hiện.

ĐỂ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, đại diện của Các Bên ký kết một cách hợp lệ vào ngày được ghi tại trang đầu tiên của Hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT HIỆP

THÁI VĂN TRUYỀN

**TỜ TRÌNH
TÓM TẮT DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT**

Kính thưa quý cổ đông!

Bản dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần vận tải đường sắt được Công ty cổ phần vận tải đường sắt xây dựng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

Toàn bộ nội dung dự thảo Điều lệ gồm XXI mục 57 điều đã được gửi xin ý kiến của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đồng thời đăng trên Website của Công ty để các cổ đông nghiên cứu.

Tại đại hội này, xin được chỉ trình bày các nội dung chính của Bản dự thảo.

Các điều khoản chính của Dự thảo Điều lệ bao gồm:

Mục I

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

(Gồm 1 Điều: Điều 1)

Nội dung chính: Giải thích các từ ngữ quy định trong Điều lệ

Mục II

**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA
ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT**

(gồm 2 điều: Điều 2 và Điều 3).

Điều 2. Tên, địa chỉ trụ sở chính

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RAILWAY TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: VRT
- Địa chỉ trụ sở chính: 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty

với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Mục III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (gồm 2 Điều: Điều 4 đến Điều 5)

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh: Công ty có 74 ngành nghề kinh doanh
Trong đó có 2 ngành nghề chính: Vận tải hành khách đường sắt (4911); Vận tải hàng hóa đường sắt (4912)
2. Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức, sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;
- Hoàn thành mọi nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển đất nước.

Mục IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP (gồm 4 Điều: Từ Điều 6 đến Điều 9)

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.303.689.700.000 đồng (bằng chữ: Một nghìn ba trăm linh ba tỷ sáu trăm tám mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 130.368.970 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của Người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài được tự do chuyển nhượng sau khi hết thời gian cam kết. Trường hợp Công ty thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho Công ty số cổ phần này thì Công ty có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa các công ty trước hợp nhất.

Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

MỤC V.
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT
(gồm 1 Điều: Điều 10)

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc.

MỤC VI.
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(gồm 13 Điều: Từ Điều 11 đến Điều 23)

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ

ng nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

MỤC VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(gồm 8 Điều: Từ Điều 24 đến Điều 31)

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tạm thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

MỤC VIII.

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

(gồm 3 Điều: Từ Điều 32 đến Điều 34)

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

MỤC IX

BAN KIỂM SOÁT

(gồm 6 Điều: Từ Điều 35 đến Điều 40)

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

MỤC X.

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC
(Gồm 2 Điều từ Điều 41 - Điều 42)**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Mục XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

(gồm 1 Điều: Điều 43)

Các nội dung chính: Quyền tra cứu sổ sách hồ sơ

Mục XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

(gồm 1 Điều: Điều 44)

Các nội dung chính : quan hệ lao động trong Công ty, vai trò của Công đoàn trong Công ty.

Mục XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

(gồm 1 Điều: Điều 45)

Các nội dung chính:

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Mục XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

(gồm 3 Điều: từ Điều 46 đến Điều 48)

Các nội dung chính: Quy định về tài khoản Ngân hàng và năm tài chính, chế độ kế toán

Mục XV

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(gồm 2 Điều: từ Điều 49 đến Điều 50)

Các nội dung chính: Quy định về năm tài chính, bán niên quý, báo cáo thường niên

Mục XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

(gồm 1 Điều: Điều 51)

Các nội dung chính: liên quan đến công tác kiểm toán

Mục XVII

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

(gồm 1 Điều: Điều 52)

Các nội dung chính: Quản lý và sử dụng con dấu của Công ty

Mục XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

(gồm 2 Điều: từ Điều 53 đến Điều 54)

Các nội dung chính: các quy định khi giải thể công ty

Mục XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

(gồm 1 Điều: Điều 55)

Các nội dung chính: Giải quyết các tranh chấp nội bộ trong Công ty

Mục XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

(gồm 1 Điều: Điều 56)

Các nội dung chính: Quy định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty

Mục XXI

NGÀY HIỆU LỰC

(gồm 1 Điều: Điều 57)

Bản Điều lệ này gồm XXI mục 57 Điều được đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực của Điều lệ kể từ ngày tổ chức Đại hội.

Kính thưa các quý vị đại biểu

Kính thưa các quý cổ đông

Trên đây là các nội dung chính, tóm tắt dự thảo Điều lệ của Công ty cổ phần vận tải đường sắt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Hoan